

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-35



# **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Bê tông Ly tâm Thủ Đức thuộc Công ty Xây lắp Điện 2 (nay là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2) theo Quyết định số 180/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303171325 (số cũ 4103002081) đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: THUDUC CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: TDC.

Trụ sở chính của Công ty tại số 356 A Xa lộ Hà Nội, Phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Thế Thành	Chủ tịch
	Ông Trần Vĩnh Tài	Ủy viên miễn nhiệm từ ngày 01/05/2016
	Ông Nguyễn Hữu Ý	Ủy viên được bổ nhiệm từ ngày 01/05/2016
	Ông Tạ Đăng Tính	Ủy viên
	Bà Hà Thị Kim Dung	Ủy viên
	Ông Trần Hữu Thạch	Ủy viên

<b>Ban kiểm soát</b>	Ông Hoàng Thế Hiền	Trưởng ban
	Ông Phạm Phúc	Thành viên
	Ông Đỗ Văn Hùng	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Hữu Ý	Giám đốc (Bổ nhiệm từ 01/05/2016)
	Ông Trần Vĩnh Tài	Giám đốc (Miễn nhiệm từ 01/05/2016)
	Ông Trần Hữu Thạch	Phó Giám đốc
	Ông Hồ Đăng Khoa	Phó Giám đốc
	Bà Phan Thị Hồng Phúc	Phó Giám đốc

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**


**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



**Nguyễn Hữu Ý**  
**Giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2017*

Số: 248/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bê tông Ly Tâm Thủ Đức**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức, được lập ngày 02 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Phan Thanh Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017

---

**Nguyễn Thị Minh Anh**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2015-137-1

10  
3  
4  
0  
7  
5

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>126.133.006.010</b>	<b>107.311.625.904</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>57.777.825.766</b>	<b>45.864.972.260</b>
1. Tiền	111		10.277.825.766	8.364.972.260
2. Các khoản tương đương tiền	112		47.500.000.000	37.500.000.000
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>5.000.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	-	5.000.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>54.964.617.668</b>	<b>36.277.143.496</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	57.181.988.630	56.265.648.909
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	16.086.811.247	206.967.377
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	2.931.804.810	2.931.804.810
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	3.712.981.858	658.527.227
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.7	(24.948.968.877)	(23.785.804.827)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>13.390.562.576</b>	<b>20.169.510.148</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.437.153.164	20.303.419.908
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46.590.588)	(133.909.760)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>52.487.887.139</b>	<b>53.768.433.255</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.696.233.363</b>	<b>6.253.638.487</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	4.696.233.363	6.253.638.487
- Nguyên giá	222		32.072.907.611	32.036.834.955
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.376.674.248)	(25.783.196.468)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>205.126.000</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	205.126.000	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.11</b>	<b>47.583.706.101</b>	<b>47.489.955.601</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		40.800.000.000	40.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.000.000.000	8.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.216.293.899)	(1.310.044.399)
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.821.675</b>	<b>24.839.167</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.821.675	24.839.167
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>178.620.893.149</b>	<b>161.080.059.159</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

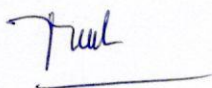
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>59.424.954.045</b>	<b>51.917.275.410</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>59.424.954.045</b>	<b>51.917.275.410</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	20.140.044.090	20.633.022.142
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.954.447.722	3.210.741.370
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	8.142.727.899	9.079.549.074
4. Phải trả người lao động	314		11.420.448.253	13.405.348.477
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	201.439.703	514.482.502
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	5.323.576.806	450.163.838
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	800.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.16	8.566.796.613	2.669.095.048
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.675.472.959	1.154.872.959
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>119.195.939.104</b>	<b>109.162.783.749</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>119.195.939.104</b>	<b>109.162.783.749</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.141.000.000	64.141.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.141.000.000	64.141.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.737.500.000	6.737.500.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(18.090.000)	(18.090.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.166.395.449	16.239.960.253
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.169.133.655	22.062.413.496
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		-	874.112.176
- LNST chưa phân phối kì này	421b		21.169.133.655	21.188.301.320
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>178.620.893.149</b>	<b>161.080.059.159</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc







Bùi Minh Trúc

Phạm Anh Linh

Nguyễn Hữu Ý



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

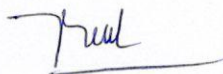
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	237.293.369.362	242.471.698.979
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		237.293.369.362	242.471.698.979
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	186.911.780.567	200.753.947.330
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>50.381.588.795</b>	<b>41.717.751.649</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	7.403.849.063	8.684.291.646
7. Chi phí tài chính	22	5.21	1.061.816.496	2.333.661.316
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	106.924.697
8. Chi phí bán hàng	24	5.22	9.660.873.037	4.403.623.894
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	16.456.842.077	12.102.011.668
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>30.605.906.248</b>	<b>31.562.746.417</b>
11. Thu nhập khác	31	5.24	316.505.891	378.544.421
12. Chi phí khác	32	5.24	29.396.202	18.049.914
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>287.109.689</b>	<b>360.494.507</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>30.893.015.937</b>	<b>31.923.240.924</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	5.235.278.582	6.246.335.904
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>25.657.737.355</b>	<b>25.676.905.020</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Minh Trúc

Phạm Anh Linh

Nguyễn Hữu Ý

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	30.893.015.937	31.923.240.924
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và Đất động sản đầu tư	02	2.235.587.532	1.787.389.307
- Các khoản dự phòng	03	6.923.434.457	1.327.613.749
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(3.016.589)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.542.917.326)	(9.036.162.709)
- Chi phí lãi vay	06	-	106.924.697
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	32.509.120.600	26.105.989.379
- Biến động các khoản phải thu	09	(16.998.276.736)	2.171.144.761
- Biến động hàng tồn kho	10	6.866.266.744	(221.528.342)
- Biến động các khoản phải trả	11	(2.658.851.249)	(77.322.729)
- Biến động chi phí trả trước	12	22.017.492	(19.219.159)
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(106.924.697)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.698.014.963)	(5.528.978.979)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.279.400.000)	(1.334.687.750)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>11.762.861.888</b>	<b>20.988.472.484</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(820.177.408)	(2.705.966.748)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	151.163.636	365.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(97.076.831.300)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	102.076.831.300	3.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	24.828.105.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.495.753.690	2.293.057.709
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>8.826.739.918</b>	<b>22.780.195.961</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	16.174.920.105
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(800.000.000)	(17.951.646.105)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.876.748.300)	(14.107.040.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(8.676.748.300)</b>	<b>(15.883.766.200)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>11.912.853.506</b>	<b>27.884.902.245</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>45.864.972.260</b>	<b>17.977.053.426</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	3.016.589
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>57.777.825.766</b>	<b>45.864.972.260</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Bùi Minh Trúc

Phạm Anh Linh

Nguyễn Hữu Ý

# CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Bê tông Ly tâm Thủ Đức thuộc Công ty Xây lắp Điện 2 (nay là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2) theo Quyết định số 180/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303171325 (số cũ 4103002081) đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: THUDUC CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: TDC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 là 64.141.000.000 đồng.

Chi tiết vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2016

Đối tượng	Theo số cổ đông thực tế tại 31/12/2016		
	VND	%	Cổ phần
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	32.711.910.000	51,00	3.271.191
Bà Hà Thị Kim Dung	3.236.100.000	5,05	323.610
Ông Phạm Ngọc Hiệp	3.866.210.000	6,03	386.621
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	24.326.780.000	37,92	2.432.678
<b>Tổng</b>	<b>64.141.000.000</b>	<b>100</b>	<b>6.414.100</b>

Trụ sở chính của Công ty tại số 356 A Xa lộ Hà Nội, Phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/12/2016 là: 254 người (Tại ngày 31/12/2015 là 243 người)

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc cừ, ống cống, ống cọc, cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm); Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp điện đến 110 KV, điện dân dụng và điện công nghiệp; Thi công các công trình công nghiệp, dân dụng, cơ sở hạ tầng; Sản xuất và kinh doanh sản phẩm cơ khí (thiết bị nâng, thiết bị sản xuất bê tông, kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí phi tiêu khác), vật liệu xây dựng, vật tư - thiết bị - máy móc kỹ thuật (trừ kinh doanh máy in); Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình); Chuyển giao công nghệ sản xuất bê tông công nghiệp; Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật liệu, vật tư, thiết bị kỹ thuật; Kinh doanh vận tải hàng hóa; Kinh doanh nhà; Thiết kế sản phẩm bê tông công nghiệp, cơ khí, thiết bị nâng công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông công nghiệp.

**1.3 Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có công ty con và công ty liên kết như sau:

	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	Sản xuất Bê tông ly tâm	51%	51%
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Sản xuất Xây lắp trụ điện	20%	20%

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền: Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Năm 2016</b> <b>(Số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	05 - 25
Máy móc, thiết bị khác	02 - 06
Phương tiện vận tải	03- 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 07

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: trích trước tiền chiết khấu thanh toán

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: *Dự phòng bảo hành sản phẩm.*

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
  - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi sau đó chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất bê tông, kinh doanh thương mại, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.201.872.581	1.263.263.965
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.075.953.185	7.101.708.295
Tương đương tiền	47.500.000.000	37.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>57.777.825.766</b>	<b>45.864.972.260</b>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 01 – 03 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	-	5.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại 01/01/2016 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 5,5%/năm vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – CN Đông Sài Gòn.

**5.3 Các khoản phải thu khách hàng**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>57.181.988.630</b>	<b>56.265.648.909</b>
Công ty CP Đầu Tư Bê tông Công Nghệ Cao	19.710.773.864	19.710.773.864
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	10.037.903.060	5.589.868.420
Công ty Cổ phần Bê tông Ly Tâm Thủ Đức 1	2.325.274.334	-
Viễn đông Bình Phước	1.968.199.200	3.094.998.720
Công ty TNHH Xây dựng Lư Nguyễn	620.055.857	6.302.436.000
Phải thu các đối tượng khác	22.519.782.315	21.567.571.905
<b>Tổng</b>	<b>57.181.988.630</b>	<b>56.265.648.909</b>
<b>Trong đó, Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>10.418.793.060</b>	<b>5.970.758.420</b>
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	380.890.000	380.890.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	10.037.903.060	5.589.868.420
Công ty Cổ phần Bê tông Ly Tâm Thủ Đức 1	2.325.274.334	-

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>16.086.811.247</b>	<b>206.967.377</b>
Ông Trần Yến Đình	13.750.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây Dựng Mỹ Tín	1.964.800.455	-
Phải thu các đối tượng khác	372.010.792	206.967.377
<b>Tổng</b>	<b>16.086.811.247</b>	<b>206.967.377</b>

**5.5 Phải thu về cho vay**

Phải thu về cho vay là khoản phải thu Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon theo Giấy nhận nợ số 01/2015 ngày 25 tháng 02 năm 2015. Số tiền cho vay: 3.831.804.810 đồng; Lãi suất cho vay: 7%/năm thả nổi tăng giảm theo lãi suất của Ngân hàng Viettinbank áp dụng cho Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức. Số dư đến ngày 31/12/2016: 2.931.804.810 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.6 Các khoản phải thu khác**

Mẫu B 09-DN

Đơn vị tính : VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.712.981.858</b>	-	<b>658.527.227</b>	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	2.896.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Dung Quất	345.690.255	-	345.690.255	-
Công ty CP Bê Tông Ly Tâm Vinaincon	208.646.777	-	69.548.926	-
Lãi tiền gửi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh 9 ghi nhận trước	67.923.288	-	62.901.370	-
Lãi tiền gửi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương - Chi nhánh Đông Sài Gòn ghi nhận trước	145.479.452	-	75.753.425	-
Tạm ứng	22.073.255	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân năm 2016	22.128.000	-	121.200	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	663.735	-	104.231.460	-
Phải thu khác	4.377.096	-	280.591	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Trong đó phải thu các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	2.896.000.000	-	-	-
Công ty CP Bê Tông Ly Tâm Vinaincon	208.646.777	-	69.548.926	-
<b>Tổng</b>	<b>3.712.981.858</b>	-	<b>658.527.227</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.7 Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP Đầu tư Bê Tông Công Nghệ Cao	19.710.773.864	-	19.710.773.864	-
Công ty CP Xây Dựng Vinashin	985.600.000	-	985.600.000	-
Công ty CP Bê tông Ly Tâm Hải Dương	2.931.804.810	1.465.902.405	-	-
Công ty TNHH Minh Đăng	-	-	1.443.060.460	1.327.758.980
Các đối tượng khác	3.080.959.124	294.266.516	3.536.085.905	561.956.422
<b>Tổng</b>	<b>26.709.137.798</b>	<b>1.760.168.921</b>	<b>25.675.520.229</b>	<b>1.889.715.402</b>

Trong đó:

	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty CP Xây Dựng Vinashin	-	-	-	985.600.000
Công ty CP ĐT Bê Tông Công Nghệ Cao	-	-	-	19.710.773.864
Công ty CP Bê tông Ly Tâm Hải Dương	-	-	-	2.931.804.810
Các đối tượng khác	-	-	-	3.080.959.124
<b>Tổng</b>				<b>26.709.137.798</b>

**5.8 Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.046.322.328	-	4.958.486.111	-
Công cụ, dụng cụ	102.003.613	-	81.195.402	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh	-	-	848.008.000	-
Thành phẩm	7.288.827.223	(46.590.588)	6.755.993.205	(133.909.760)
Hàng gửi bán	-	-	7.659.737.190	-
<b>Tổng</b>	<b>13.437.153.164</b>	<b>(46.590.588)</b>	<b>20.303.419.908</b>	<b>(133.909.760)</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng mất phẩm chất: 46.590.588 đồng

Lý do trích lập dự phòng: giá gốc hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dung cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2016	7.496.829.136	22.149.700.134	2.041.977.885	348.327.800	32.036.834.955
Tăng trong năm	-	678.182.408	-	-	678.182.408
Mua trong năm	-	678.182.408	-	-	678.182.408
Giảm trong năm	-	642.109.752	-	-	642.109.752
Thanh lý nhượng bán	-	642.109.752	-	-	642.109.752
Số dư tại 31/12/2016	7.496.829.136	22.185.772.790	2.041.977.885	348.327.800	32.072.907.611
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2016	6.096.544.130	18.192.064.516	1.277.131.672	217.456.150	25.783.196.468
Tăng trong năm	771.878.340	1.194.626.292	233.667.888	35.415.012	2.235.587.532
Khấu hao trong năm	771.878.340	1.194.626.292	233.667.888	35.415.012	2.235.587.532
Giảm trong năm	-	642.109.752	-	-	642.109.752
Thanh lý nhượng bán	-	642.109.752	-	-	642.109.752
Số dư tại 31/12/2016	6.868.422.470	18.744.581.056	1.510.799.560	252.871.162	27.376.674.248
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2016	1.400.285.006	3.957.635.618	764.846.213	130.871.650	6.253.638.487
Tại ngày 31/12/2016	628.406.666	3.441.191.734	531.178.325	95.456.638	4.696.233.363

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2016 với giá trị là 21.994.634.204 đồng (tại 31/12/2015: 22.145.893.479 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	205.126.000	-	-	-
Chi phí khảo sát địa chất địa hình	130.126.000	-	-	-
Lương Ban quản lý dự án	75.000.000	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>205.126.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.11 Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết**

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2016				01/01/2016			
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>										
Công ty Cổ phần Bê tông Thủ Đức 1	51%	51%	4.080.000	40.800.000.000	40.800.000.000	-	40.800.000.000	40.800.000.000	-	
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>										
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	20%	20%	800.000	8.000.000.000	6.783.706.101	(1.216.293.899)	8.000.000.000	6.689.955.601	(1.310.044.399)	
<b>Tổng</b>										
				48.800.000.000	47.583.706.101	(1.216.293.899)	48.800.000.000	47.489.955.601	(1.310.044.399)	

Đơn vị tính: VND

Thông tin chi tiết về Công ty con, Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Đối tượng đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Bê tông Thủ Đức 1	Số 234, đường DT 747, Ấp Tân Lương, Xã Thạnh Phước, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất bê tông các loại
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Thôn Tháp Phan, Xã Đồng Lạc, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương	Sản xuất bê tông các loại

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.12 Phải trả người bán**

	31/12/2016		01/01/2016		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	
<b>Ngắn hạn</b>	<b>20.140.044.090</b>	<b>20.140.044.090</b>	<b>20.633.022.142</b>	<b>20.633.022.142</b>	<b>20.633.022.142</b>
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	5.037.030.669	5.037.030.669	2.266.375.630	2.266.375.630	2.266.375.630
DNTN Hiệp Hưng An	3.439.437.600	3.439.437.600	4.665.711.474	4.665.711.474	4.665.711.474
Công ty TNHH Nghĩa Thành	6.489.295.500	6.489.295.500	6.038.572.500	6.038.572.500	6.038.572.500
Công ty TNHH VLXD Minh Trường Thịnh	1.357.231.410	1.357.231.410	1.121.825.794	1.121.825.794	1.121.825.794
Phải trả người bán khác	3.817.048.911	3.817.048.911	6.540.536.744	6.540.536.744	6.540.536.744
<b>Trong đó: Phải trả bên liên quan</b>	<b>5.037.030.669</b>	<b>5.037.030.669</b>	<b>2.266.375.630</b>	<b>2.266.375.630</b>	<b>2.266.375.630</b>
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	5.037.030.669	5.037.030.669	2.266.375.630	2.266.375.630	2.266.375.630
<b>Tổng</b>	<b>20.140.044.090</b>	<b>20.140.044.090</b>	<b>20.633.022.142</b>	<b>20.633.022.142</b>	<b>20.633.022.142</b>

Đơn vị tính: VND

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước**

	01/01/2016		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2016
	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số đã nộp trong năm		
<b>Phải nộp</b>	<b>9.079.549.074</b>	<b>19.388.035.949</b>	<b>19.388.035.949</b>	<b>20.324.857.124</b>	<b>20.324.857.124</b>	<b>8.142.727.899</b>	<b>8.142.727.899</b>
Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	1.831.863.628	13.000.493.915	13.000.493.915	13.864.439.376	13.864.439.376	967.918.167	967.918.167
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.698.014.963	5.235.278.582	5.235.278.582	5.698.014.963	5.698.014.963	4.235.278.582	4.235.278.582
Thuế thu nhập cá nhân	476.970.010	519.539.212	519.539.212	654.520.175	654.520.175	341.989.047	341.989.047
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.822.373.634	604.724.240	604.724.240	79.882.610	79.882.610	2.347.215.264	2.347.215.264
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	250.326.839	28.000.000	28.000.000	28.000.000	28.000.000	250.326.839	250.326.839
<b>Số thuế còn lại phải nộp</b>	<b>9.079.549.074</b>	<b>19.388.035.949</b>	<b>19.388.035.949</b>	<b>20.324.857.124</b>	<b>20.324.857.124</b>	<b>8.142.727.899</b>	<b>8.142.727.899</b>

Đơn vị tính: VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.14 Chi phí phải trả**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Trích trước chi phí sản xuất	201.439.703	514.482.502
	201.439.703	514.482.502
<b>Tổng</b>	<b>201.439.703</b>	<b>514.482.502</b>

**5.15 Các khoản phải trả phải nộp khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	5.323.576.806	450.163.838
Các khoản phải trả, phải nộp khác	375.743.106	414.840.966
- Phải trả về cổ tức	4.947.833.700	35.322.872
	4.947.833.700	-
<b>b) Dài hạn</b>		
Trong đó số dư của các bên liên quan	-	-
Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	4.947.833.700	-
	-	-
<b>Tổng</b>	<b>5.323.576.806</b>	<b>450.163.838</b>

**5.16 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Dự phòng bảo hành sản phẩm	8.566.796.613	2.669.095.048
<b>a) Dài hạn</b>		
	-	-
<b>Tổng</b>	<b>8.566.796.613</b>	<b>2.669.095.048</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.17 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND					Tổng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	<b>64.141.000.000</b>	<b>6.737.500.000</b>	<b>(18.090.000)</b>	<b>12.759.960.253</b>	<b>15.972.548.676</b>	<b>99.592.918.929</b>
Tăng trong năm	-	-	-	<b>3.480.000.000</b>	<b>25.676.905.020</b>	<b>29.156.905.020</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	<b>25.676.905.020</b>	<b>25.676.905.020</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	<b>3.480.000.000</b>	-	<b>3.480.000.000</b>
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	<b>19.587.040.200</b>	<b>19.587.040.200</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	<b>3.480.000.000</b>	<b>3.480.000.000</b>
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	<b>9.618.436.500</b>	<b>9.618.436.500</b>
Chia cổ tức đợt 1 năm 2015	-	-	-	-	<b>4.488.603.700</b>	<b>4.488.603.700</b>
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>64.141.000.000</b>	<b>6.737.500.000</b>	<b>(18.090.000)</b>	<b>16.239.960.253</b>	<b>22.062.413.496</b>	<b>109.162.783.749</b>
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	<b>64.141.000.000</b>	<b>6.737.500.000</b>	<b>(18.090.000)</b>	<b>16.239.960.253</b>	<b>22.062.413.496</b>	<b>109.162.783.749</b>
Tăng trong năm	-	-	-	<b>10.926.435.196</b>	<b>25.657.737.355</b>	<b>36.584.172.551</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	<b>25.657.737.355</b>	<b>25.657.737.355</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	<b>10.926.435.196</b>	-	<b>10.926.435.196</b>
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	<b>26.551.017.196</b>	<b>26.551.017.196</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	<b>10.926.435.196</b>	<b>10.926.435.196</b>
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	<b>2.800.000.000</b>	<b>2.800.000.000</b>
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	<b>8.335.978.300</b>	<b>8.335.978.300</b>
Chia cổ tức đợt 1 năm 2016	-	-	-	-	<b>4.488.603.700</b>	<b>4.488.603.700</b>
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>64.141.000.000</b>	<b>6.737.500.000</b>	<b>(18.090.000)</b>	<b>27.166.395.449</b>	<b>21.169.133.655</b>	<b>119.195.939.104</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên số 236/TDC - ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2016, Công ty chỉ trả cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 12.824.582.000 đồng.

Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2016 theo Biên bản Hội đồng quản trị ngày 22 tháng 11 năm 2016 với tỷ lệ 7% vốn điều lệ, tương ứng số tiền là 4.488.603.700 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	32.711.910.000	32.711.910.000
Bà Hà Thị Kim Dung	3.236.100.000	3.236.100.000
Ông Phạm Ngọc Hiệp	3.866.210.000	3.696.860.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	24.326.780.000	24.496.130.000
<b>Tổng</b>	<b>64.141.000.000</b>	<b>64.141.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	64.141.000.000	64.141.000.000
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	64.141.000.000	64.141.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.488.603.700	12.824.582.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.414.100	6.414.100
Cổ phiếu phổ thông	6.414.100	6.414.100
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.809	1.809
Cổ phiếu phổ thông	1.809	1.809
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.412.291	6.412.291
Cổ phiếu phổ thông	6.412.291	6.412.291
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	27.166.395.449	16.239.960.253
<b>Tổng</b>	<b>27.166.395.449</b>	<b>16.239.960.253</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.18 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.597.246.151	8.440.701.200
Doanh thu bán sản phẩm	214.591.767.760	197.942.120.883
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.104.355.451	36.088.876.896
<b>Tổng</b>	<b>237.293.369.362</b>	<b>242.471.698.979</b>

**5.19 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.379.366.208	8.440.701.200
Giá vốn của thành phẩm đã bán	163.374.590.337	154.772.105.640
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.157.824.022	37.541.140.490
<b>Tổng</b>	<b>186.911.780.567</b>	<b>200.753.947.330</b>

**5.20 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.495.753.690	923.752.709
Lãi bán các khoản đầu tư	-	6.378.105.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.896.000.000	1.369.305.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.095.373	13.128.937
<b>Tổng</b>	<b>7.403.849.063</b>	<b>8.684.291.646</b>

**5.21 Chi phí tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	-	106.924.697
Chiết khấu thanh toán	1.077.108.105	1.779.257.492
Lỗ chênh lệch tỷ giá	78.458.891	67.526.565
Dự phòng tổn thất đầu tư	(93.750.500)	379.952.562
<b>Tổng</b>	<b>1.061.816.496</b>	<b>2.333.661.316</b>

**5.22 Chi phí bán hàng**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	1.494.310.840	1.319.056.200
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	140.442.811	115.327.525
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	31.509.545	3.354.545
Chi phí bảo hành	5.897.701.565	1.462.197.193
Chi phí dịch vụ mua ngoài	185.466.486	-
Chi phí bằng tiền khác	1.911.441.790	1.503.688.431
<b>Tổng</b>	<b>9.660.873.037</b>	<b>4.403.623.894</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.659.640.551	8.510.370.433
Chi phí vật liệu quản lý	-	2.413.001
Chi phí đồ dùng văn phòng	743.677.163	648.608.748
Chi phí khấu hao TSCĐ	697.907.520	703.439.200
Thuế phí và lệ phí	215.990.030	176.314.511
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập)	1.119.483.392	(483.285.679)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	515.990.365	386.681.964
Chi phí bằng tiền khác	2.504.153.056	2.157.469.490
<b>Tổng</b>	<b>16.456.842.077</b>	<b>12.102.011.668</b>

**5.24 Lợi nhuận khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	151.163.636	371.500.000
Các khoản khác	165.342.255	7.044.421
<b>Tổng</b>	<b>316.505.891</b>	<b>378.544.421</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản bị phạt	29.376.975	-
Lãi chậm trả bảo hiểm xã hội	-	17.897.131
Các khoản khác	19.227	152.783
<b>Tổng</b>	<b>29.396.202</b>	<b>18.049.914</b>
<b>Thu nhập khác thuần</b>	<b>287.109.689</b>	<b>360.494.507</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	30.893.015.937	31.923.240.924
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>179.376.975</i>	<i>150.000.000</i>
<i>Thù lao của hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành</i>	<i>150.000.000</i>	<i>150.000.000</i>
<i>Các khoản phải nộp phạt</i>	<i>29.376.975</i>	-
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>4.896.000.000</i>	<i>3.680.805.000</i>
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>4.896.000.000</i>	<i>3.680.805.000</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>26.176.392.912</b>	<b>28.392.435.924</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>26.176.392.912</b>	<b>28.392.435.924</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	22%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.235.278.582</b>	<b>6.246.335.904</b>

**5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	114.161.727.203	116.532.666.310
Chi phí nhân công	56.678.527.084	50.540.544.712
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.235.587.532	1.787.389.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.181.132.724	34.374.591.957
Chi phí khác bằng tiền	7.403.503.455	5.162.605.876
<b>Tổng</b>	<b>191.660.477.998</b>	<b>208.397.798.162</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1** Giao dịch và số dư với các bên liên quanThu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	3.001.958.000	2.131.248.000

Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
<u>Giao dịch mua</u> Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ đức 1	Công ty con	Mua hàng	2.518.777.308	9.305.937.900
<u>Giao dịch bán</u> Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ	Bán hàng	7.934.644.400	17.018.300.700
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ đức 1	Công ty con	Bán hàng	2.295.703.939	2.208.423.800
		Thuê nhân viên	-	98.181.818
		Khác	-	64.287.456
<u>Giao dịch khác</u> Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ	Cổ tức Công ty phải trả	4.947.833.700	7.196.620.200
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ đức 1	Công ty con	Lãi vay Công ty được nhận	-	46.226.520
		Cổ tức Công ty được nhận	4.896.000.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Công liên kết	Lãi vay Công ty được nhận	208.646.777	188.810.939



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Số dư phải thu và phải thu khác các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
			<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	10.037.903.060	5.589.868.420
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết	Phải trả tiền cổ tức	4.947.833.700	-
		Phải thu khách hàng	380.890.000	380.890.000
		Phải thu tiền cổ tức	208.646.777	69.548.926
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ đức 1	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.931.804.810	2.931.804.810
		Phải thu khách hàng	2.325.274.334	-
		Phải thu tiền cổ tức	2.896.000.000	-

**6.2 Thông tin khác**

Đề chuẩn bị công tác di dời nhà máy theo quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh trong tương lai. Thực hiện theo chủ trương của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (Cổ đông chiếm 51% vốn điều lệ) và Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức ngày 25/01/2016.

Ngày 26/01/2016, Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức đã ký hợp đồng liên doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim để sử dụng toàn bộ 11.756 m<sup>2</sup> đất (Công ty đang đặt trụ sở chính và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh tại đây) để thực hiện dự án là công trình: "Khu Phục hợp Thương mại – Dịch vụ - Nhà ở Phước Long" tại 356A, Xa lộ Hà Nội, Phường Phước Long A, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.3 Báo cáo bộ phận**

Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất bê tông, kinh doanh thương mại, xây lắp, hoạt động khác

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	Sản xuất bê tông VND	Thương mại VND	Xây lắp VND	Khác VND	Tổng VND
<b>TÀI SẢN</b>					
Tài sản cố định	4.696.233.363				4.696.233.363
Các khoản phải thu	46.471.017.928	1.848.813.072	-	6.644.786.668	54.964.617.668
Hàng tồn kho	13.390.562.576	-	-	-	13.390.562.576
Tài sản chung	-	-	-	-	105.569.479.542
<b>Tổng tài sản</b>					<b>178.620.893.149</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>					
Các khoản phải trả	40.066.048.193	3.498.599.746	93.020.025	-	43.657.667.964
Phải trả tiền vay	-	-	-	-	-
Nợ phải trả chung	10.443.709.275			5.323.576.806	15.767.286.081
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>59.424.954.045</b>

**Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	Sản xuất bê tông VND	Thương mại VND	Xây lắp VND	Khác VND	Tổng VND
<b>DOANH THU</b>					
Tổng doanh thu	214.591.767.760	22.520.533.348	177.840.981	3.227.273	237.293.369.362
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>					
Kết quả bộ phận	24.037.645.813	(841.241.659)	2.425.758	3.227.273	23.202.057.185
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	7.403.849.063	7.403.849.063
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	287.109.689	287.109.689
Thuê thu nhập doanh nghiệp	5.235.278.582	-	-	-	5.235.278.582
<b>Lợi nhuận trong năm</b>					<b>25.657.737.355</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.3 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01 tháng 01 năm 2016

	Sản xuất bê tông VND	Thương mại VND	Xây lắp VND	Khác VND	Tổng VND
<b>TÀI SẢN</b>					
Tài sản cố định	6.253.638.487	-	-	-	6.253.638.487
Các khoản phải thu	29.221.598.868	6.128.887.272	-	926.657.356	36.277.143.496
Hàng tồn kho	19.321.502.148	848.008.000	-	-	20.169.510.148
Tài sản chung	-	-	-	-	98.379.767.028
<b>Tổng tài sản</b>					<b>161.080.059.159</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>					
Các khoản phải trả	39.202.334.198	7.033.306.840	93.020.025	-	46.328.661.063
Phải trả tiền vay	800.000.000	-	-	-	800.000.000
Nợ phải trả chung	4.150.427.051	-	-	638.187.296	4.788.614.347
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>51.917.275.410</b>

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Sản xuất bê tông VND	Thương mại VND	Xây lắp VND	Khác VND	Tổng VND
<b>DOANH THU</b>					
Tổng doanh thu	214.591.767.760	22.520.533.348	177.840.981	3.227.273	237.293.369.362
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>					
Kết quả bộ phận	24.037.645.813	(841.241.659)	2.425.758	3.227.273	23.202.057.185
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	7.403.849.063	7.403.849.063
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	287.109.689	287.109.689
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.235.278.582	-	-	-	5.235.278.582
<b>Lợi nhuận trong năm</b>					<b>25.657.737.355</b>

**6.4 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.4 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.777.825.766	45.864.972.260
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.855.733.166	36.070.054.919
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	5.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>96.633.558.932</b>	<b>86.935.027.179</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	-	800.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	25.463.620.896	21.083.185.980
Chi phí phải trả	201.439.703	514.482.502
<b>Tổng</b>	<b>25.665.060.599</b>	<b>22.397.668.482</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã tiến hành rà soát tình trạng công nợ phải thu khách hàng, kết hợp đồng thời với thủ tục đối chiếu xác nhận công nợ phải thu, Công ty đã phân loại và đánh giá khả năng thu hồi công nợ theo từng khách hàng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 với số tiền là 24.948.968.877 đồng.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.4 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	25.463.620.896	-	25.463.620.896
Chi phí phải trả	201.439.703	-	201.439.703
Các khoản vay	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>25.665.060.599</b>	<b>-</b>	<b>25.665.060.599</b>
Tại 01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	21.083.185.980	-	21.083.185.980
Chi phí phải trả	514.482.502	-	514.482.502
Các khoản vay	800.000.000	-	800.000.000
<b>Tổng</b>	<b>22.397.668.482</b>	<b>-</b>	<b>22.397.668.482</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.777.825.766	-	57.777.825.766
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.855.733.166	-	38.855.733.166
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>96.633.558.932</b>	<b>-</b>	<b>96.633.558.932</b>
Tại 01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.864.972.260	-	45.864.972.260
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.070.054.919	-	36.070.054.919
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>86.935.027.179</b>	<b>-</b>	<b>86.935.027.179</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.5 Thông tin so sánh**

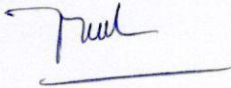
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2017*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Bùi Minh Trúc**

**Phạm Anh Linh**

**Nguyễn Hữu Ý**